

CHÍNH PHỦ
Số: 98/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002.

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

Mục 1: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Chương này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, hành vi vi phạm, mức và biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về thuế; trình tự, thủ tục thực hiện các quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

2. Đối tượng bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế, bao gồm:

a) Người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế;

- b) Cơ quan thuế, công chức quản lý thuế vi phạm pháp luật về thuế;
- c) Người có thẩm quyền và trách nhiệm xử lý vi phạm pháp luật về thuế;
- d) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

Điều 2. Nguyên tắc xử lý vi phạm pháp luật về thuế

1. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về thuế phải được phát hiện và đình chỉ ngay. Việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế phải được tiến hành kịp thời, công khai, minh bạch, triệt để. Mọi hậu quả do vi phạm pháp luật về thuế gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử lý vi phạm khi có hành vi vi phạm pháp luật về thuế đã được quy định tại các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật về thuế; vi phạm quy định của Luật Quản lý thuế và Nghị định này.

3. Một hành vi vi phạm pháp luật về thuế chỉ bị xử phạt một lần, cụ thể như sau:

a) Một hành vi vi phạm pháp luật về thuế đã được người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt hoặc đã lập biên bản để xử phạt thì không được lập biên bản, ra quyết định xử phạt lần thứ hai đối với hành vi đó. Trường hợp hành vi vi phạm vẫn tiếp tục được thực hiện mặc dù đã bị người có thẩm quyền xử phạt ra lệnh đình chỉ thì áp dụng biện pháp tăng nặng theo quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về thuế có dấu hiệu tội phạm đã bị chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự mà trước đó đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì người đã ra quyết định xử phạt phải hủy bỏ quyết định xử phạt; nếu chưa ra quyết định xử phạt thì không xử phạt vi phạm pháp luật về thuế đối với hành vi đó.

4. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm pháp luật về thuế thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi đó.

5. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật về thuế thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

6. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thuế phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà ra quyết

định xử phạt đối với từng người thực hiện cùng hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

Điều 3. Tình tiết tăng nặng

1. Vi phạm có tổ chức.
2. Vi phạm nhiều lần.
3. Tái phạm vi phạm pháp luật về thuế chưa hết thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành của quyết định xử phạt mà lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế đã bị xử phạt.
4. Xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên vi phạm, ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần vi phạm.
5. Vi phạm trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác.
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm.
7. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn khách quan đặc biệt khác để vi phạm.
8. Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế.
9. Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó.
10. Sau khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế mà có hành vi trốn tránh, che dấu hành vi đã vi phạm.

Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ

1. Người vi phạm đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của hành vi vi phạm hoặc khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại.
2. Người vi phạm đã tự nguyện khai báo, thành thật nhận sai sót và kê khai, điều chỉnh các lỗi sai sót.
3. Người vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần.
4. Người vi phạm là phụ nữ có thai, người già yếu, người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, người có bệnh hoặc tàn tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình.
5. Vi phạm trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra.

6. Vi phạm do chưa nắm được chính sách pháp luật về thuế.

7. Vi phạm trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành động trái pháp luật của người khác gây ra.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế

1. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, thời hiệu xử phạt là 02 năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện.

2. Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi chậm nộp tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế, thời hiệu xử phạt là 05 năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện.

Thời điểm xác định hành vi trốn thuế, gian lận thuế là ngày tiếp theo ngày cuối cùng của hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế mà người nộp thuế thực hiện hành vi trốn thuế, gian lận thuế hoặc ngày tiếp theo ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế.

3. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án nhưng hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, cơ quan đã ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thuế. Trong trường hợp này, thời hiệu xử lý vi phạm là 03 tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thuế nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ án.

4. Trong thời hiệu quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này mà người nộp thuế lại tiếp tục thực hiện vi phạm mới cùng hành vi đã vi phạm trước đó hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu theo quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này mà thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Các hình thức xử phạt vi phạm pháp luật thuế

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm pháp luật về thuế thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo:

Hình thức xử phạt cảnh cáo được quyết định bằng văn bản và áp dụng đối với:

- Vi phạm lần đầu hoặc vi phạm lần thứ hai và có tình tiết giảm nhẹ đối với các vi phạm về thủ tục thuế ít nghiêm trọng;
- Vi phạm về thủ tục thuế do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện.

b) Phạt tiền:

Hình thức phạt tiền được quy định cụ thể đối với từng hành vi vi phạm pháp luật về thuế như sau:

- Phạt theo số tiền tuyệt đối đối với các hành vi vi phạm thủ tục thuế, mức phạt tối đa không quá 100 triệu đồng. Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm về thủ tục thuế là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt, nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt;
- Phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với hành vi chậm nộp tiền thuế, tiền phạt;
- Phạt 10% số tiền thuế thiếu đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn;
- Phạt tiền tương ứng với số tiền không trích vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 114 của Luật Quản lý thuế;
- Phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế trốn đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

Khi xác định mức phạt tiền đối với người nộp thuế vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì xem xét giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc nếu có hai tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Sau khi giảm